TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2020
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q ,tỉnh Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Chí Thân

2. Bà Đỗ Thị Kim Chinh

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q ,tỉnh Q .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q ,tỉnh Q tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q ,tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn",*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/03/2020; Thông báo tạm dừng mở phiên toà số 209/TB-TA ngày 01/4/2020; Thông báo tiếp tục đưa vụ án dân sự ra xét xử số 210/TB-TA ngày 20/4/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 7/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ch , sinh năm: 1966; Địa chỉ: Khu Đ, phường M , thị xã Q ,tỉnh Q . *(Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông Trần Hùng S (Tên gọi khác: Trần Đại Sơn), sinh năm: 1958; Địa chỉ: Khu Đ, phường M , thị xã Q ,tỉnh Q . *(Đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ch khai:

Bà và ông Trần Hùng S (Trần Đại Sơn) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) thị trấn Nông trường tháng 10, huyện Y, tỉnh T (nay là UBND xã Nhữ Hán, huyện Y, tỉnh T) vào ngày 13/7/1985. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã M, huyện Yên Hưng (nay là Khu Đ, phường M , thị xã Q),tỉnh Q . Quá trình chung sống, vợ

chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Sơn. Bà và ông S có 02 con chung sinh đôi là Trần Đại N và Trần Thị Thu T đều sinh ngày 02/6/1986. Hiện nay cả 02 con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng và công việc ổn định nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà và ông S không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 31/12/2019, bị đơn là ông Trần Hùng S khai: Ông và bà Ch chung sống gần 40 năm chưa có mâu thuẫn gì cơ bản, chỉ có do luôn ở xa nhau (khi lấy nhau ông đang ở bộ đội biên giới, sau khi ra quân ông ở nhà vài năm lại đi công nhân cầu đường) nên vợ chồng ít hiểu và thông cảm cho nhau. Trong cuộc sống, ông tôn trọng sự riêng tư của bà Ch về kinh tế, quan hệ bạn bè và đi du lịch. Ông đề nghị Toà án xem xét cân nhắc để gia đình ông về đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Toà án cũng thông báo cho các đương sự đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng bà Ch có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên họp và đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, còn ông S vắng mặt không có lý do. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các đương sự đều vắng mặt. Do đó, Toà án không mở được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Ch có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt với lý do bận công việc không thể có mặt tại phiên toà sơ thẩm và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông Sơn.

Tại phiên toà sơ thẩm: Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành pháp luật gây cản trở cho quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ch , xử cho bà Ch được ly hôn với ông Trần Hùng S (Trần Đại Sơn). Về tài sản chung và công nợ: đương sự không yêu cầu do đó đề nghị Toà án không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

〔1〕 Về tố tụng:

- Về thẩm quyền xét xử của Tòa án: Bà Đoàn Thị Ch khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Trần Hùng S cư trú tại Khu Đ, phường M , thị xã Q ,tỉnh Q . Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên toà sơ thẩm. Tại phiên toà, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

〔2〕 **Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ch và ông Trần Hùng S đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường tháng 10, huyện Y, tỉnh T (nay là UBND xã Nhữ Hán, huyện Y, tỉnh T) ngày 13-7-1985. Nên hôn nhân giữa bà Ch và ông S là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà Ch và ông S chuyển về sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đường Ngang, xã Minh Thành, huyện Yên Hưng (nay là Khu Đ, phường M , thị xã Q),tỉnh Q . Quá trình chung sống, một phần do ông S đi làm xa nhà nên vợ chồng ít có điều kiện quan tâm, chăm sóc, hiểu và thông cảm cho nhau, phần khác do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà Ch và ông S đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay đã gần 20 năm không còn có trách nhiệm gì đối với nhau, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà Ch xác định tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Sơn. ông S đề nghị Toà án xem xét cân nhắc để gia đình ông về đoàn tụ nhưng ông không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải mà không có lý do. Ngoài lời khai ra, ông S cũng không đưa ra được giải pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trong khi đó, bà Ch xác định tình cảm vợ chồng đã hết và cương quyết xin ly hôn với ông Sơn. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà Ch và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Chung, xử cho bà Ch được ly hôn với ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Ch và ông S có 02 con sinh đôi là Trần Đại Nghiệpvà Trần Thị Thu Thành đều sinh ngày 02/6/1986. Hiện nay cả 02 con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng và công việc ổn định, đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án chấp nhận yêu cầu của bà Chung, không xem xét, giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự.

〔3〕 **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Ch đã nộp xong ngày ngày 06/12/2019.

〔**4**〕 **Về quyền kháng cáo:** Bà Ch và ông S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị Ch .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ch được ly hôn với ông Trần Hùng S (Tên gọi khác: Trần Đại Sơn).

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Toà án không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Ch phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà Ch đã nộp theo biên lai thu số 0001595 ngày 06/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Q ,tỉnh Q . Bà Ch đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị Ch và ông Trần Hùng S (Trần Đại Sơn) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã Q ;*
- *Chi Cục THADS TX Quảng Yên;*
- *TANDtỉnh Q ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga